TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 640/2017/DS-ST
Ngày: 19-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Ngô Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2017/TLST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1759/2017/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số: 1993/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT; địa chỉ trụ sở: Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Số M, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 683/2017/UQ-TTT ngày 09/5/2017). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2/ *Bị đơn:* Bà Lê Hồng Y, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lã Ngọc M trình bày:

Nguyên vào ngày 05/4/2007 bà Lê Hồng Y có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT. Theo đó Ngân hàng đồng ý cấp cho bà Y 02 thẻ tín dụng: Số thẻ 436438-8986, hạn mức tín dụng 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và số thẻ 472075-1401, hạn mức tín dụng 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng; sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Bà Y đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 974.480.410 (Chín trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi ngàn bốn trăm mười) đồng, thanh toán được 910.966.879 (Chín trăm mười triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi chín) đồng thì ngưng không thanh toán nữa. Ngày 26/8/2013 và ngày 01/9/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ số 436438- 8986 và số 472075-1401, đồng thời chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/9/2017 bà Y còn nợ 02 thẻ tổng số tiền là 533.807.631 (Năm trăm ba mươi ba triệu tám trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm ba mươi mốt) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 205.658.469 (Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi chín) đồng, nợ lãi quá hạn 328.149.162 (Ba trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi chín ngàn một trăm sáu mươi hai) đồng. Cụ thể như sau:

Đối với thẻ tín dụng số 436438- 8986: Nợ gốc 146.946.511 (Một trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm mười một) đồng; tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 26/8/2016 đến ngày 19/9/2017 là 234.738.962 (Hai trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi hai) đồng.

Đối với thẻ tín dụng số 472075-1401: Nợ gốc 58.711.958 (Năm mươi tám triệu bảy trăm mười một ngàn chín trăm năm mươi tám) đồng; tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 01/9/2013 đến ngày 19/9/2017 là 93.410.200 (Chín mươi ba triệu bốn trăm mười ngàn hai trăm) đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn là bà Lê Hồng Y thanh toán toàn bộ số tiền 533.807.631 (Năm trăm ba mươi ba triệu tám trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm ba mươi mốt) đồng, gồm nợ gốc 205.658.469 (Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi chín) đồng và nợ lãi quá hạn 328.149.162 (Ba trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi chín ngàn một trăm sáu mươi hai) đồng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 20/9/2017 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Toà ghi tự khai; thông báo, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập tham gia phiên họp vào ngày 20/7/2017 và ngày 10/8/2017 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà mở lần thứ hai, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị đưa vụ án ra xét xử vắng mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi và các ý kiến đã trình bày trước đây. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Lê Hồng Y cư trú tại quận G. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lã Ngọc M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn là bà Lê Hồng Y đã được Toà án triệu hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT yêu cầu bà Lê Hồng Y thanh toán số tiền còn nợ của 02 thẻ tín dụng số 436438- 8986 và 472075-1401 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổng cộng số tiền gốc và lãi phải trả tính đến ngày 19/9/2017 là 533.807.631 (Năm trăm ba mươi ba triệu tám trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm ba mươi mốt) đồng. Đồng thời cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 20/9/2017 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1 Xét yêu cầu đòi nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc của 02 thẻ tín dụng tổng cộng là 205.658.469 (Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi chín) đồng.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/5/2007;

Căn cứ vào điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT;

Căn cứ vào bảng tóm tắt sao kê quá trình sử dụng của 02 thẻ tín dụng số 436438- 8986 và 472075-1401;

Căn cứ vào lời khai xác nhận của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã có cơ sở để khẳng định giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/5/2007 do bà Lê Hồng Y ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT. Sau khi được cấp thẻ bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 974.480.410 (Chín trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi ngàn bốn trăm mười) đồng, thanh toán được 910.966.879 (Chín trăm mười triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi chín) đồng thì ngưng không thanh toán. Do đó, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Hiện bị đơn còn nợ số tiền gốc của 02 thẻ tín dụng tổng cộng là 205.658.469 (Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi chín) đồng. Về phía bị đơn trong suốt quá trình Toà án thu thập chứng cứ, bị đơn vắng mặt, không có ý kiến hoặc yêu cầu phản tố.

Xét thấy,việc các bên ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là hoàn toàn tự nguyện nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đúng như thoả thuận giữa 02 bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc còn nợ của 02 thẻ tín dụng tổng cộng là 205.658.469 (Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi chín) đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

2.2 Đối với yêu cầu đòi tiền lãi:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi quá hạn của 02 thẻ tín dụng tính đến ngày 19/9/2017 tổng số tiền phải trả là 328.149.162 (Ba trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi chín ngàn một trăm sáu mươi hai) đồng và yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 20/9/2017 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo lãi suất được các bên thoả thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký. Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và thoả thuận của hai bên nên có cơ sở để chấp nhận.

2.3 Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Căn cứ vào thoả thuận của các bên thì khoản nợ của bị đơn đã quá thời hạn thanh toán nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Mức án phí được quy định như sau: Đối với giá trị tài sản có tranh chấp từ trên 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng, mức án phí là 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng. Do đó, bị đơn phải chịu tiền án phí là: 20.000.000 đồng + (133.807.631đ x 4%) = 25.352.305 (Hai mươi lăm triệu ba trăm năm mươi hai ngàn ba trăm lẻ năm) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là bà Lê Hồng Y có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền 533.807.631 (Năm trăm ba mươi ba triệu tám trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm ba mươi mốt) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 205.658.469 (Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi chín) đồng, nợ lãi quá hạn 328.149.162 (Ba trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi chín ngàn một trăm sáu mươi hai) đồng ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Hồng Y phải chịu án phí là 25.352.305 (Hai mươi lăm triệu ba trăm năm mươi hai ngàn ba trăm lẻ năm) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 12.070.319 (Mười hai triệu không trăm bảy mươi ngàn ba trăm mười chín) đồng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT theo biên lai thu số AA/2016/0018566 ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Lê Hồng Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên